

Bản án số: 153/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Mỹ N, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp TLA, xã Tạ AKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh V, sinh năm 1978; cư trú: Ấp TLA, xã Tạ AKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Mỹ N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh V chung sống năm 2000 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh V không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho vợ con, anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Trần Duy K, sinh ngày 06/3/2001 và Trần Dạ T, sinh ngày 29/3/2003. Hiện nay cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Mỹ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Minh V đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh V là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh V chung sống với nhau vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh V.

[3] Về con chung:

Đối với cháu K đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Đối với cháu T: Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu T sống chung với chị N, vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Theo văn bản ghi ý kiến con chung thể hiện cháu T có nguyện vọng sống chung với chị N. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và

Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Mỹ N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Mỹ N và anh Trần Minh V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Dạ T, sinh ngày 29/3/2003 cho chị Huỳnh Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Minh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Mỹ N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0010563 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Huỳnh Mỹ N và anh Trần Minh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng